

# DÂN TỘC KHƠ ME

## TRONG CÔNG CUỘC BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG QUỐC GIA VIỆT NAM

BÙI MINH ĐẠO

Thời gian qua, d-ới chiêu bài *Áp dụng giải pháp hoà bình và luật pháp quốc tế để tìm tự do, bình đẳng và quyền tự khẳng định cho dân tộc Khơ me Krôm*, tổ chức Liên bang Khơ me Campuchia Krôm (KKF)<sup>(1)</sup> đang mở chiến dịch tuyên truyền, xuyên tạc đ-ờng lối, chính sách của Đảng và Nhà n-ớc ta về đại đoàn kết dân tộc, nhằm kích động chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi của ng-ời Khơ me, chia rẽ đoàn kết Kinh - Khơ me. Đáng chú ý là Báo cáo của Sơn Tuôn<sup>(2)</sup>, cho rằng, trong lịch sử, ng-ời Khơ me Krôm chỉ h-ớng về Campuchia và trong những năm qua, họ đã phải chịu sự áp bức, ng-ợc đãi của Chính phủ Việt Nam.

Nhân loại có l-ợng tri và ít nhiều hiểu biết đều dễ nhận thấy những luận điệu trên là xuyên tạc và bóp méo sự thật. Cũng dễ thấy mục tiêu của những luận điệu trên không gì hơn là phục vụ âm m-u đen tối của tổ chức KKF nhằm chia rẽ đoàn kết dân tộc và gây rối an ninh chính trị ở Việt Nam thực hiện âm m-u của bọn phản động và đế quốc.

Trái với những gì KKF tuyên truyền, thực tiễn đã chứng minh, trong lịch sử, ng-ời Khơ me luôn kề vai sát cánh cùng cộng đồng các dân tộc Việt Nam xây dựng và bảo vệ đất n-ớc. Đặc biệt, trong những thập niên qua, ng-ời Khơ me, với t- cách là một dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, luôn đ-ợc thụ h-ớng những chính sách dân tộc - u đãi của Đảng và Nhà n-ớc theo nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng và cùng phát triển. Đó là nhân tố quan trọng dẫn đến sự phát triển không ngừng về

kinh tế, xã hội và văn hóa của ng-ời Khơ me trong mấy chục năm qua.

Để góp phần phân bác những luận điệu xuyên tạc sự thật của KKF, bài viết này giới thiệu một số t- liệu làm sáng tỏ sự đóng góp của ng-ời Khơ me đối với công cuộc bảo vệ tổ quốc Việt Nam trong lịch sử và kết quả của việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ đối với ng-ời Khơ me trong những năm sau 1975.

### 1. Ng-ời Khơ me trong công cuộc bảo vệ tổ quốc Việt Nam.

Vào những thập niên cuối của thế kỷ XIX, ở đồng bằng sông Cửu Long đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh chống lại chế độ hà khắc và chính sách đầu hàng thực dân Pháp của triều đình phong kiến nhà Nguyễn. Địa bàn diễn ra các cuộc đấu tranh gồm các tỉnh: Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Quân khởi nghĩa bao gồm ng-ời Kinh (Việt), Hoa và Khơ me, trong đó, ng-ời Khơ me là lực l-ợng quan trọng. Trong các cuộc khởi nghĩa này, đáng chú ý là cuộc khởi nghĩa kéo dài nhiều năm ở Trà Vinh, do Lâm Sâm và Wai Cui, những yếu nhân ng-ời Khơ me chỉ huy.

Từ khi có sự lãnh đạo của Đảng, ng-ời Khơ me luôn đoàn kết kề vai, sát cánh cùng các dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong kháng chiến chống Pháp, nhất là trong kháng chiến chống Mỹ, xuất hiện nhiều tổ chức cách mạng trong đồng bào Khơ me nh- : Ban Khơ me vận, Ban Sãi vận, Mặt trận S- sãi yêu n-ớc, Hội

<sup>1</sup>. Tổ chức Liên bang Khơ me Campuchia Krôm (KKF), trụ sở đặt tại Hoa Kỳ.

<sup>2</sup> Sơn Tuôn, chủ tịch KKF, Báo cáo gửi Liên hiệp quốc và Tổ chức các n-ớc và dân tộc không có đại diện ngày 25/5/2003.

Đoàn kết s- sãi yêu n- ớc, Bộ đội Isarác, Tiểu đoàn 512,... Nhiều chỉ huy quân sự địa ph- ong ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long là ng- ời Khơ me nh- : Tỉnh đội tr- ởng Thạch Vinh (Trà Vinh), huyện đội tr- ởng □t Tịch. Nhân vật Chi □t Tịch nổi tiếng trong kháng chiến chống Mỹ là hình ảnh tiêu biểu của dân tộc Khơ me trong lòng Việt Nam. Những huyện đội tr- ởng ng- ời dân tộc Khơ me ở các địa ph- ong nh- : Vĩnh Châu (Sóc Trăng), Trà Cú (Trà Vinh), Tri Tôn (An Giang)... Nhiều chùa chiền và gia đình Khơ me trở thành cơ sở nuôi dưỡng và bảo vệ cán bộ cách mạng. Theo thống kê, số chùa chiền là cơ sở cách mạng ở Sóc Trăng là 39/90, Trà Vinh là 53/141, Cần Thơ là 6/27, Vĩnh Long là 6/13, Cà Mau là 6/6,... Hầu hết các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long đều có bà mẹ Việt Nam anh hùng là ng- ời Khơ me. Trong đó, ở Trà Vinh có 42 ng- ời, Sóc Trăng: 24 ng- ời, Vĩnh Long: 8 ng- ời, Kiên Giang: 7 ng- ời, Bạc Liêu: 3 ng- ời, Cà Mau: 3 ng- ời, Cần Thơ: 2 ng- ời... Nhiều nhà s- và trí thức Khơ me do tham gia cách mạng bị địch bắt tù đầy ở Côn Đảo nh- : Hoà th- ợng Tăng Hô, Lui Sa rat, các ông Sơn Phi, Thạch Chơi, Thạch Hoa. Nhiều nhà s- và trí thức dân tộc là ng- ời Khơ me đã anh dũng hy sinh cho sự nghiệp chống Mỹ cứu n- ớc nh- : Hoà th- ợng Hữu Nhem, Thạch Thị Thanh, Neang Nghét, Danh Thị T- oi, Thạch Ngọc Biên, Kdam. Nhiều chiến sỹ cách mạng ng- ời Khơ me đ- ợc phong tặng danh hiệu anh hùng nh- : Kiên Thị Nhẫn, Lâm Sắc, Sơn Ton, Lâm T- ong, Châu Pút,... Nhiều vị s- đã giữ c- ong vị cao trong mặt trận Giải phóng dân tộc (GPDT) nh- : hoà Th- ợng Sơn Vọng (nguyên Phó chủ tịch Ủy ban Trung - ong mặt trận Dân tộc giải phóng miền nam Việt Nam (DTGPMNVN), nguyên phó chủ tịch Ủy ban bảo vệ hoà bình thế giới của mặt trận DTGPMNVN, nguyên cố vấn Ủy ban mặt trận DTGP miền tây Nam Bộ); hoà th- ợng Hữu Nhem (nguyên phó chủ tịch Ủy ban trung - ong mặt trận DTGPMNVN); hoà th- ợng Thạch Som (nguyên Hội tr- ởng Hội đồng S- sãi yêu n- ớc khu vực Tây Nam Bộ); hoà

th- ợng Lui Sa Rat (nguyên chủ tịch mặt trận DTGP tỉnh Trà Vinh). Nhiều ng- ời con - u tú của dân tộc Khơ me đ- ợc Đảng giác ngộ và dìu dắt, đã tích cực tham gia Cách mạng, trở thành Đảng viên và nắm giữ các chức vụ quan trọng của Đảng và Nhà n- ớc nh- : ông Sơn Thông (nguyên Khu uỷ viên khu Tây Nam Bộ); ông Lâm Phái (nguyên Phó Tr- ởng ban Dân tộc Trung - ong); ông Trịnh Thới Cang (nguyên Khu uỷ viên khu Tây Nam Bộ); ông Thạch Sên (nguyên phó bí th- tỉnh uỷ Sóc Trăng); ông Lâm Sang (nguyên Hội tr- ởng Hội Isarác tỉnh Minh Hải, nguyên Tỉnh uỷ viên tỉnh Sóc Trăng); ông Huỳnh C- ong (nguyên Uỷ viên Uỷ ban TWMTDTGPMNVN, nguyên Cố vấn Chính phủ Cách mạng lâm thời CHMNVN, nguyên Chủ tịch Mặt trận khu Tây Nam Bộ, nguyên Phó chủ tịch Quốc hội n- ớc CHXHCNVN, nguyên Uỷ viên BCH Trung - ong Đảng Cộng sản Việt Nam khoá VII); ông Trần On (nguyên Trung tá Quân đội NDVN từ thời chống Pháp); ông Thạch Đông (nguyên Tỉnh uỷ viên tỉnh Kiên Giang),... Một số xã của ng- ời Khơ me đ- ợc phong danh hiệu xã anh hùng nh- các xã Mỹ Đức, Phú Mỹ của huyện Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang,...

## 2. Chính sách dân tộc và kết quả của việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ đối với ng- ời Khơ me.

Sau giải phóng miền Nam (1975) đến nay, ng- ời Khơ me cũng nh- các dân tộc thiểu số khác, đ- ợc h- ởng các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà n- ớc Việt Nam. Tr- ớc hết, đó là chính sách bình đẳng, đoàn kết, t- ong trợ và cùng phát triển. Những chính sách đó thể hiện rõ qua các văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI, VII, VIII, IX, X và các chỉ thị, Nghị quyết của Bộ chính trị; Nghị định, Quyết định của Chính phủ <sup>(3)</sup>.

<sup>3</sup> Nghị Quyết 22 của Bộ Chính trị ngày 27/11/1989 về một số chính sách lớn phát triển kinh tế-xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

Không chỉ có các chủ trương chính sách chung, do đặc thù về nguồn gốc lịch sử và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và chính phủ còn ban hành những chủ trương, chính sách riêng nhằm phát triển dân tộc Khơ me, trong đó, đáng chú ý là: 1. Chỉ thị số 117-CT/TƯ ngày 29/9/1981 (sau đây gọi tắt là chỉ thị 117) về công tác đối với đồng bào Khơ me; 2. Chỉ thị số 68-CT/TW của Ban bí thư ngày 18/4/1991 (sau đây gọi tắt là Chỉ thị 68/TW) về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ me và 3. Chỉ thị số 122-CT ngày 12/5/1982 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Chỉ thị 122-CT) về công tác đối với đồng bào Khơ me.

Nội dung chính của Chỉ thị 68/TW là nhằm phát triển toàn diện kinh tế, xã hội, văn hoá ở vùng đồng bào Khơ me. Về kinh tế-xã hội, chú ý bố trí lại cơ cấu cây trồng vật nuôi hợp lý; phát triển nông nghiệp toàn diện, kết hợp với phát triển ngành nghề truyền thống; xây dựng cơ sở hạ tầng, giải quyết hợp lý vấn đề đất đai, khắc phục tình trạng thiếu đất canh tác; cứu trợ đối với những đối tượng gặp khó khăn, mất mùa. Về văn hoá, xã hội, phát triển ngành học phổ thông đi đôi với củng cố các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường thanh niên dân tộc ở các huyện, tỉnh có đồng bào Khơ me; mở trường đào tạo cán bộ người Khơ me và trường đào tạo giáo viên người Khơ me, kể cả s-sai có khả năng để dạy song ngữ ở các cấp Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông; học sinh người Khơ me được miễn học phí ở các cấp học; bảo tồn, khai thác và phát huy vốn văn hoá dân tộc Khơ me; xây dựng nhà truyền thống và một số trung tâm văn hoá tiêu biểu của người Khơ me; có chính sách củng cố và duy trì các đội văn nghệ dân tộc Khơ me; sử dụng tốt tiếng nói, chữ viết dân tộc Khơ me trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa

phương; đài truyền hình và phát thanh của các tỉnh đồng bằng và vùng Khơ me cần tăng thêm thời gian phát sóng bằng tiếng Khơ me; đẩy mạnh khám chữa bệnh và vệ sinh phòng bệnh, miễn phí khám chữa bệnh cho người Khơ me nghèo,... Đối với chùa chiền và s-sai Khơ me, thực hiện tốt chính sách tôn giáo của Đảng; tôn trọng tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng của người Khơ me; phát huy truyền thống yêu nước của s-sai và Phật tử góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc; nghiên cứu mở trường Pa li cấp cao khi có điều kiện để dạy giáo lý cho s-sai; tôn trọng, bảo vệ và phát huy di sản văn hoá chùa chiền Khơ me kết hợp với nội dung văn hoá mới,...

Nội dung của Chỉ thị 122-CT nhằm triển khai Chỉ thị số 117-CT/TƯ, trong đó, yêu cầu các bộ, ngành có liên quan ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh (có đồng bào Khơ me cư trú) thực hiện một số công tác cấp thiết nhằm ổn định tình hình ở vùng đồng bào Khơ me, bao gồm: 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất của người dân, cấp đất cho các chùa chiền, khôi phục ngành nghề truyền thống, hỗ trợ nhà ở cho các hộ gia đình có nhà ở; 2. Khôi phục lại trường trình phát thanh bằng tiếng Khơ me; củng cố lại hệ thống trường lớp, đào tạo giáo viên người Khơ me; tổ chức cho học sinh Khơ me tốt nghiệp THCS vào thẳng THPT không qua thi chuyển cấp; đẩy mạnh phong trào bồi dưỡng văn hoá để xoá nạn mù chữ; 3. Vận động người dân chống âm mưu gây chia rẽ dân tộc của địch; thi hành luật nghĩa vụ quân sự; đối xử tốt với những người trốn tránh chạy ra nước ngoài nay quay trở về; 4. Khẩn trương đào tạo cán bộ người Khơ me ở các ngành, các cấp, trọng tâm là ở cơ sở; 5. Tổ chức cho cán bộ, người dân và lực lượng vũ trang ở các tỉnh có đồng bào Khơ me học tập chính sách dân tộc của Đảng.

Đó đây là một số kết quả thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ ở vùng người Khơ me.

- Nghị Quyết 5 của Ban bí thư Trung ương Đảng năm 1998 về giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc Việt Nam;

- Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 năm 2003 về các vấn đề đại đoàn kết toàn dân, dân tộc, tôn giáo và đất đai trong tình hình mới,...

Nhận rõ tầm quan trọng của vùng ng-ời Khơ me, một Cơ quan đại diện đặc trách công tác Khơ me Nam Bộ, thuộc Ủy ban Dân tộc và Miền núi, nay là Ủy ban Dân tộc, đ-ợc thành lập đặt tại thành phố Hồ Chí Minh để trực tiếp triển khai việc thực hiện chính sách dân tộc cho đối t-ợng này. Trừ khoá II và III, các khoá Quốc hội từ khoá I đến khoá IX còn lại đều có đại biểu đại diện cho dân tộc Khơ me. Cụ thể, có tổng số 29 ng-ời Khơ me là đại biểu trong 9 khoá Quốc hội, trong đó, khoá I, IV, V mỗi khoá có 1 đại biểu; khoá VI: 5 đại biểu, khoá VII: 6 đại biểu, khoá VIII: 4 đại biểu và khoá IX: 6 đại biểu<sup>4</sup>). Sau chỉ thị 68/TW, Chính phủ đã triển khai hàng loạt ch-ơng trình, dự án nhằm phát triển kinh tế xã hội cho vùng đồng bào Khơ me nh-Ch-ơng trình thực hiện nguồn vốn hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn ở khu vực Nam Bộ (1991-1995), Ch-ơng trình quốc gia xoá đói giảm nghèo 133, Ch-ơng trình phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn,... Sau 5 năm thực hiện Ch-ơng trình thực hiện nguồn vốn hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn ở khu vực Nam Bộ (1991-1995), tổng số đ-ợc đầu t- cho vùng đồng bào Khơ me là 46,63 tỷ đồng, trong đó, cho đồng bào Khơ me tỉnh Sóc Trăng 10 tỷ đồng, Trà Vinh 10 tỷ đồng, Kiên Giang 7,1 tỷ đồng, An Giang 9,6 tỷ đồng, Minh Hải 5,5 tỷ đồng, Vĩnh Long 1,2 tỷ đồng, Cần Thơ 1,8 tỷ đồng, Tây Ninh 1,0 tỷ đồng. Nguồn vốn đ-ợc đầu t- theo hai thời kỳ: từ 1991 đến 1993, chủ yếu đầu t- cho cơ sở vật chất hạ tầng nh- cầu, đ-ờng, thuỷ lợi, tr-ờng học, trạm xá, giếng n-ớc,...; từ 1994 đến 1995, chủ yếu đầu t- hỗ trợ sản xuất cho các hộ nghèo đặc biệt khó khăn bằng các hình thức cho vay vốn lãi suất thấp hoặc không lãi, hỗ trợ đời sống không hoàn lại,... Về xây dựng cơ sở hạ tầng, tổng số vốn đầu t- là 22,5 tỷ, trong đó, xây dựng 73 kênh, m-ơng thuỷ lợi, làm 34 cầu giao thông, khoan 1.464 giếng n-ớc và 02 hồ chứa n-ớc; xây dựng

174 tr-ờng học kiên cố kèm theo 962 bộ bàn ghế; xây mới 8 trạm và 1 trung tâm y tế. Về hỗ trợ sản xuất cho các hộ nghèo đặc biệt khó khăn, tổng số vốn đầu t- là 12,1 tỷ đồng, trong đó, cho vay vốn sản xuất với lãi suất thấp là 8,78 tỷ đồng; cho vay vốn sản xuất không tính lãi là 3,4 tỷ đồng. Về hỗ trợ đời sống không hoàn lại, tổng số vốn đầu t- là 0,2 tỷ đồng. Toàn bộ số vốn này kết hợp với các nguồn vốn địa ph-ơng đã góp phần đáng kể vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng và nâng cao đời sống cho ng-ời Khơ me. Các công trình thuỷ lợi, cống, hồ chứa n-ớc và đê đập đã chuyển 200.000 ha ruộng lúa từ một vụ lên 2 vụ/năm, có nơi thêm một vụ màu, đồng thời, nâng cao năng suất lúa từ bình quân 3 tấn/ha/vụ lên 3,5 tấn/ha/vụ, cá biệt nhiều nơi đạt 4-5 tấn/ha/vụ. Các cầu cống và đ-ờng giao thông mới đã phục vụ việc đi lại sinh hoạt cho ng-ời dân hàng chục xã, liên xã, ấp, liên ấp. Số l-ợng giếng và hồ chứa n-ớc đã góp phần đáng kể vào việc cung cấp n-ớc sạch và n-ớc sản xuất cho ng-ời Khơ me ở nhiều vùng vốn x-a nay không có hoặc thiếu n-ớc sinh hoạt, n-ớc sản xuất. Số tr-ờng lớp đ-ợc xây dựng mới đã làm tăng số học sinh Khơ me lên 7.000 học sinh/năm. Đã có 17.524 hộ nghèo đói đ-ợc vay vốn sản xuất lãi suất thấp hoặc không tính lãi chuộc lại đất canh tác, phát triển sản xuất; kết quả 10% số hộ sản xuất có lãi, 50% số hộ giải quyết một phần nghèo đói. Trong năm 1993, tỉnh Sóc Trăng đã chi hỗ trợ không hoàn lại cho 7 chùa Khơ me, mỗi chùa 1 máy kéo với số tiền 750 triệu đồng và trong năm 1994, tỉnh An Giang đã chi hỗ trợ cày, bừa, trực lúa cho 1.089 hộ Khơ me nghèo với kinh phí 509.700.000 đồng. Trong 5 năm, khoảng 2.900 hộ nghèo đói ở mức đặc biệt khó khăn đ-ợc hỗ trợ đã thoát đ-ợc tình trạng đói nghèo triển miên. Năm 1996, Cơ quan đại diện đặc trách công tác Khơ me Nam Bộ đã tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện chỉ thị 68/TW ở vùng ng-ời Khơ me. Kết quả cho thấy: *Về mặt kinh tế, đời sống*, nhờ xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng phát triển, các trạm bơm điện ở Sóc Trăng, đào kênh

<sup>4</sup> *Chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà n-ớc về dân tộc*. Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc. Hà Nội.2000. Tr 1165

thuỷ lợi ở An Giang, ngọt hoá thuỷ lợi ở Đồng Tâm Ph-ong, Trà Vinh,... mà vấn đề n-ớc sản xuất đã đ-ợc giải quyết đáng kể. Nhờ vậy, mở rộng đ-ợc diện tích sản xuất nông nghiệp theo h-ớng thâm canh và tăng vụ; chuyển dịch đ-ợc cơ cấu kinh tế theo h-ớng mở rộng ngành nghề, không chỉ trồng trọt, chăn nuôi mà còn các nghề thủ công truyền thống và các dịch vụ khác, không chỉ trồng trọt nông sản mà còn nuôi trồng thuỷ sản với diện tích lên hàng trăm ngàn ha, tổ chức giãn dân ở những nơi có điều kiện, đời sống ng-ời dân đ-ợc nâng cao hơn hẳn so với tr-ớc đó, số hộ giàu tăng lên, tình trạng đói giáp hạt kinh niên đ-ợc hạn chế, một số mô hình sản xuất tiên tiến xuất hiện và lan rộng. Về giáo dục, học sinh các cấp tăng hơn hẳn các năm tr-ớc (năm học 1991-1992 có 117.200 học sinh, năm 1993-1994 có 141.700 học sinh), đội ngũ thầy cô giáo ng-ời Khơ me cũng tăng lên không ngừng (năm 1991-1992 có 2.786 ng-ời, năm 1993-1994 có 4471 ng-ời), việc dạy học song ngữ, việc biên soạn sách giáo khoa và dạy chữ Khơ me trong các tr-ờng đ-ợc chú ý và ngày càng ổn định. Đặc biệt, các tr-ờng dân tộc nội trú dành cho con em ng-ời Khơ me ở 07 tỉnh lần l-ợt đ-ợc xây dựng, hai tr-ờng dự bị dân tộc tại TP. Hồ Chí Minh và Cần Thơ cũng đ-ợc thành lập và đi vào hoạt động, thu hút ngày càng nhiều con em đồng bào Khơ me. Nhiều tỉnh thực hiện chính sách miễn giảm học phí cho con em ng-ời Khơ me và -u tiên cấp học bổng cho học sinh giỏi ng-ời Khơ me. Về duy trì và bảo vệ văn hoá truyền thống, các nhà bảo tàng, nhà văn hoá dân tộc của ng-ời Khơ me đ-ợc xây dựng nh- ở Sóc Trăng, Trà Vinh; các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp của ng-ời Khơ me ở Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang đ-ợc đầu t-, nâng cấp. Các đoàn nghệ thuật không chuyên đ-ợc nâng đỡ bằng các ch-ong trình hội diễn cấp tỉnh, cấp vùng hàng năm hoặc vài năm; các lễ hội truyền thống theo phật lịch hay theo Khơ me lịch đ-ợc động viên duy trì; các hình thức thông tin đại chúng bằng tiếng Khơ me đ-ợc chú ý. Đến nay, phần lớn các chùa Khơ me đều có truyền

hình, trong đó, ng-ời dân đ-ợc nghe các ch-ong trình bằng tiếng Khơ me. Hai tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh đã xuất bản báo và tạp chí bằng tiếng Khơ me. Về y tế, phần lớn các xã vùng đồng bào Khơ me đều có trạm y tế, các tỉnh đều mở lớp đào tạo đội ngũ cán bộ y tế ng-ời Khơ me, việc tiêm chủng mở rộng cho trẻ em đ-ợc phổ cập toàn vùng, công tác DS-KHHGD đ-ợc chú ý, nhất là ở Trà Vinh và Kiên Giang, nơi hạ tỷ lệ sinh đẻ từ 3,6% năm 1990 xuống còn 2,19% năm 1994. Tiếp theo Ch-ong trình thực hiện nguồn vốn hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn ở khu vực Nam Bộ và 5 năm thực hiện Chỉ thị 68 TW (1991-1995), từ năm 1996 đến nay, Chính phủ tiếp tục thực hiện các ch-ong trình phát triển kinh tế xã hội, xoá đói, giảm nghèo cho vùng đồng bào Khơ me, trọng tâm là các ch-ong trình hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn, ch-ong trình 133, 135. Năm 1996, nguồn vốn cấp để đầu t- cho vùng ng-ời Khơ me đồng bằng Nam Bộ là gần 12 tỷ đồng, trong đó, vốn hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn là 7,1 tỷ đồng, vốn các ch-ong trình 133, 135 là 2,2 tỷ đồng, vốn phòng chống và kiểm soát ma tuý 2,5 tỷ đồng. Năm 1997, tổng ngân sách đầu t- cho ng-ời Khơ me đồng bằng Nam Bộ là trên 11 tỷ đồng, trong đó, nguồn vốn hỗ trợ dân tộc đặc biệt khó khăn cho 11 tỉnh đồng bằng Nam Bộ là 6,4 tỷ đồng, vốn ch-ong trình kiểm soát ma tuý là 1,67 tỷ đồng, vốn trợ c-ớc, trợ giá là 3,3 tỷ đồng. Kết quả thực hiện chính sách dân tộc ở vùng ng-ời Khơ me năm 1997 là khả quan và rõ nét: B-ớc đầu giải quyết khiếu kiện liên quan đến đất đai và cấp đất canh tác cho các hộ thiếu đất canh tác. Cơ sở vật chất hạ tầng tiếp tục đ-ợc xây dựng nh- ở Trà Vinh lắp đặt đ-ợc 33 giếng n-ớc bơm tay phục vụ 161 hộ, 27 trên 44 xã ng-ời Khơ me có điện l-ới quốc gia; ở Cà Mau có thêm 325 hộ có n-ớc sạch, 226 hộ sử dụng điện,... Số l-ợng học sinh dân tộc Khơ me tăng nhanh: tại Sóc Trăng, học sinh các cấp năm 1996-1997 là 64.325 em, tăng 7.826 em so với năm 1995-1996, trong đó có 39.664 em học song ngữ, riêng tr-ờng Dân tộc nội trú các tỉnh dành cho con

em ng-ời Khơ me ngày càng đi vào nề nếp và tăng số nh- các tr-ờng DTNT Kiên Giang có 661 em, Trà Vinh có 478 em, Đồng Nai có 634 em, An Giang có 735 em, Bạc Liêu có 256 em, Sóc Trăng có 276 em,... Một số huyện của các tỉnh đ-ợc Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng tr-ờng DTNT huyện nh- tỉnh Kiên Giang đ-ợc đầu t- 2,5 tỷ đồng để xây dựng các tr-ờng Hà Tiên, Giồng Riềng, Gò Quao,... Các ngày lễ lớn của ng-ời Khơ me nh- Đôn ta, Oc om boc, Chol chnăm thmây đ-ợc chú ý khuyến khích duy trì hàng năm. Năm 1997, nhà bảo tàng văn hoá tỉnh Trà Vinh đã đ-ợc khánh thành và đi vào hoạt động; hội đua bò đ-ợc tổ chức ở An Giang, hội đua ghe ngo đ-ợc tổ chức ở Kiên Giang,... Công tác tôn giáo đ-ợc quan tâm theo nguyên tắc tôn trọng tự do tín ng-ỡng, tôn trọng Phật đạo, tạo điều kiện để nhà chùa và s-ãi tiến hành các lễ hội và sinh hoạt theo Phật lịch trong chùa; tổ chức các lớp học phật lý Pa li, Vi ni. Các tranh chấp liên quan đến đất đai của các chùa đ-ợc xem xét giải quyết,... Tùy theo tình hình thực tiễn mà từng tỉnh triển khai các dự án phát triển kinh tế xã hội cho các vùng đồng bào Khơ me đặc biệt khó khăn. Chẳng hạn, *dự án đầu t- phát triển kinh tế xã hội ng-ời Khơ me tỉnh Minh Hải* năm 1993 do Ban chỉ đạo phát triển kinh tế xã hội dân tộc Khơ me tỉnh Minh Hải triển khai, với số vốn đầu t- khoảng 5,6 tỷ đồng, dự án *Xây dựng mô hình sản xuất nhằm góp phần giải quyết khó khăn cho vùng đồng bào Khơ me-Chăm tại khu vực Bảy Núi- An Giang* do Trung tâm Hỗ trợ nghiên cứu và chuyển giao công nghệ Dân tộc - miền núi (thuộc Công ty hỗ trợ phát triển dân tộc - miền núi) thực hiện,...

### 3. Kết luận.

Từ khi ra đời, Đảng ta luôn coi ng-ời Khơ me là một dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Bên cạnh việc động viên ng-ời Khơ me tham gia vào công cuộc bảo vệ tổ quốc trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Sau năm 1975 đến nay, Đảng và Chính phủ ta luôn coi trọng việc đề ra và thực hiện chính sách dân tộc nhằm phát triển kinh tế, xã hội ở vùng ng-ời Khơ me. Những kết quả đạt đ-ợc của việc thực hiện chính sách dân tộc trong những năm qua là đáng kể và không thể phủ nhận. Nó đã góp phần làm thay đổi theo h-ớng đi lên và phát triển v-ợt bậc so với tr-ớc đây của bộ mặt kinh tế, xã hội vùng Khơ me.

Do những đặc thù về trình độ phát triển kinh tế, xã hội tự thân, cũng nh- do quy luật phát triển không đồng đều, cho đến nay, đời sống của ng-ời Khơ me đồng bằng sông Cửu Long còn những khó khăn. Nhiều mâu thuẫn đã và đang tồn tại nh- thiếu đất sản xuất, nghèo đói, tôn giáo, quan hệ dân tộc,... Để giải lý và khắc phục những vấn đề này, đòi hỏi cần có thời gian, có sự đồng lòng nhất trí và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, trong đó, quan trọng và then chốt là nội lực của chính cộng đồng ng-ời Khơ me đồng bằng sông Cửu Long.